

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PC1**

Số: 0567 /PC1-KTNB

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1
 - Mã chứng khoán: PC1
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
 - Điện thoại: 0243 734 3060
 - Fax: 024 3823997
 - Email: huongnt01@pcc1.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 công bố thông tin BCTC Riêng và BCTC Hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán và giải trình sự biến động của lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2021 (chi tiết theo file đính kèm)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2022 tại đường dẫn: <http://pcc1.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /s/

Tài liệu đính kèm

Công văn giải trình

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Anh Dương

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PC1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0569/CV-PCC1-BTC
V/v: Giải trình biến động năm 2021
đã được kiểm toán so với năm 2020

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM**

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006,

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC về việc “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” ngày 16 tháng 11 năm 2020,

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 trên BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán so với năm 2020 như sau:

1. Biến động lợi nhuận trên kết quả kinh doanh BCTC riêng

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 là 310,9 tỷ đồng giảm 393,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, tương ứng với mức giảm 55,9% chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận gộp năm 2021 giảm 249,4 tỷ đồng chủ yếu do ảnh hưởng của dịch bệnh covid và yêu cầu tiến độ phát điện của các dự án điện gió công ty làm chủ đầu tư; làm tổng thầu. Công ty đã chấp nhận tăng chi phí nhằm đảm bảo uy tín, cam kết của một công ty chuyên nghiệp trên thị trường và phục vụ mục tiêu phát triển dài hạn.

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 giảm 224,7 tỷ đồng là do trong năm 2020 công ty có ghi nhận doanh thu từ cổ tức lợi nhuận được chia nhiều hơn năm 2021 là 168,5 tỷ đồng và ghi nhận doanh thu tài chính từ hoạt động chuyển nhượng vốn là 93 tỷ đồng.

2. Biến động lợi nhuận trên kết quả kinh doanh BCTC hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 trên báo cáo KQKD hợp nhất năm 2021 là 764,3 tỷ đồng tăng 220.2 tỷ đồng so với năm 2020, tương ứng với mức tăng 40,47% chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 282,2 tỷ đồng, là do trong năm 2021 phát sinh lãi từ đánh giá lại khoản đầu tư khi mua tăng khoản đầu tư chuyển từ công ty liên kết thành Công ty con.

- Lãi từ công ty liên doanh, liên kết tăng 67,5 tỷ đồng so với năm trước.

Rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ và hợp tác của Quý cơ quan.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- B.KTNB (P/h);
- Lưu VT.





**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021**



Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100745 ngày 2 tháng 3 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 2 tháng 3 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Trịnh Văn Tuấn Ông Vũ Ánh Dương Ông Võ Hồng Quang Ông Nguyễn Minh Đệ Ông Mai Lương Việt	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Ánh Dương Ông Trịnh Văn Tuấn Ông Đặng Quốc Tường Ông Võ Hồng Quang Ông Nguyễn Nhật Tân Ông Nguyễn Minh Đệ Ông Vũ Văn Tứ Ông Lê Thanh Nghị	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/12/2021) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/11/2021) Tổng Giám đốc (đến ngày 30/11/2021) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28/1/2022) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2021 đến ngày 30/10/2021)
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Hải Hà Ông Hoàng Văn Cường Ông Hoàng Văn Sáng	Trưởng Ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	Số 18 Lý Văn Phúc Phường Cát Linh, Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Ánh Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00177-22-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.589.439.946.263	5.715.231.571.853
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.291.977.758.704	1.475.766.385.890
Tiền	111		794.977.758.704	262.766.385.890
Các khoản tương đương tiền	112		1.497.000.000.000	1.213.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		144.291.658.746	62.891.072.771
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	144.291.658.746	62.891.072.771
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.123.796.576.209	3.389.788.585.449
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.288.896.283.193	1.634.984.030.338
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	362.986.950.991	1.182.343.615.572
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	10	15.502.374.676	55.349.000.880
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.886.249.280	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	461.446.671.449	525.660.659.893
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(7.921.953.380)	(8.548.721.234)
Hàng tồn kho	140	13	903.574.118.319	729.554.191.462
Hàng tồn kho	141		904.903.028.469	731.040.064.869
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.328.910.150)	(1.485.873.407)
Tài sản ngắn hạn khác	150		125.799.834.285	57.231.336.281
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	9.032.926.084	2.881.129.291
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		113.347.823.373	53.928.240.881
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	23	3.419.084.828	421.966.109
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		12.097.595.471.264	5.006.436.521.265
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.295.573.500	87.445.733.500
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	8.295.573.500	87.445.733.500
Tài sản cố định	220		10.160.398.968.606	3.803.690.935.125
Tài sản cố định hữu hình	221	14	9.205.307.914.600	3.801.798.536.255
Nguyên giá	222		10.224.992.854.472	4.538.353.290.429
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.019.684.939.872)	(736.554.754.174)
Tài sản cố định vô hình	227	15	955.091.054.006	1.892.398.870
Nguyên giá	228		981.273.899.230	2.987.207.819
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.182.845.224)	(1.094.808.949)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bất động sản đầu tư	230	16	221.087.291.258	221.255.062.764
<i>Nguyên giá</i>	231		276.243.994.329	264.880.188.533
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(55.156.703.071)	(43.625.125.769)
Tài sản dở dang dài hạn	240		379.876.492.995	378.813.660.882
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	379.876.492.995	378.813.660.882
Đầu tư tài chính dài hạn	250		638.667.149.476	81.344.573.396
Đầu tư vào công ty liên kết	252	7(b)	426.443.764.437	78.175.694.461
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	214.821.770.000	4.821.770.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.598.384.961)	(1.652.891.065)
Tài sản dài hạn khác	260		689.269.995.429	433.886.555.598
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	400.788.211.984	136.406.946.486
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	23.247.747.020	13.597.369.411
Lợi thế thương mại	269	20	265.234.036.425	283.882.239.701
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		18.687.035.417.527	10.721.668.093.118
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		12.406.199.375.288	5.952.142.090.805
Nợ ngắn hạn	310		5.798.709.308.694	3.743.819.472.629
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	1.756.355.852.050	1.100.061.504.655
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	61.565.293.438	485.944.936.229
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	23	57.875.464.313	146.366.280.970
Phải trả người lao động	314		73.644.686.355	83.281.029.274
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	803.547.487.900	165.534.227.533
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		837.788.869	852.893.750
Phải trả ngắn hạn khác	319	25(a)	94.096.679.867	58.498.493.653
Vay ngắn hạn	320	26(a)	2.799.553.623.583	1.586.448.058.089
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	27	16.403.173.920	870.431.400
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	134.829.258.399	115.961.617.076
Nợ dài hạn	330		6.607.490.066.594	2.208.322.618.176
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		459.722.104	-
Phải trả dài hạn khác	337	25(b)	4.272.392.275	4.638.703.453
Vay dài hạn	338	26(b)	6.237.700.383.328	2.171.328.298.868
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	325.819.782.115	14.586.747.574
Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	39.237.786.772	17.768.868.281

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		6.280.836.042.239	4.769.526.002.313
Vốn chủ sở hữu	410	29	6.280.836.042.239	4.769.526.002.313
Vốn cổ phần	411	30	2.351.596.490.000	1.911.881.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.351.596.490.000	1.911.881.590.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.136.556.786	711.136.556.786
Vốn khác của chủ sở hữu	414		22.906.800.000	22.906.800.000
Cổ phiếu quỹ	415		-	(4.320.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		708.285.511	708.285.511
Quỹ đầu tư phát triển	418		244.289.305.040	166.923.134.253
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		65.313.759.426	65.266.052.360
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.305.280.035.901	1.108.616.654.270
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		610.259.788.653	516.324.575.071
- LNST năm nay	421b		695.020.247.248	592.292.079.199
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.579.604.809.575	782.091.249.133
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		18.687.035.417.527	10.721.668.093.118

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu



Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vũ Anh Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	9.828.463.180.375	6.678.600.581.343
Giá vốn hàng bán	11	33	8.672.928.765.697	5.516.946.091.407
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.155.534.414.678	1.161.654.489.936
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	319.482.922.820	37.255.892.764
Chi phí tài chính	22	35	359.192.614.340	243.840.926.915
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>315.449.056.943</i>	<i>242.367.390.588</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		85.597.674.855	18.043.746.585
Chi phí bán hàng	25	36	55.977.596.827	70.552.235.921
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	240.797.400.424	267.722.567.030
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		904.647.400.762	634.838.399.419
Thu nhập khác	31	38	28.041.497.714	28.329.992.990
Chi phí khác	32	39	36.216.096.682	11.356.483.186
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(8.174.598.968)	16.973.509.804
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		896.472.801.794	651.811.909.223
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	66.688.019.076	121.451.737.943
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	41	65.494.816.128	(13.721.486.446)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		764.289.966.590	544.081.657.726

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

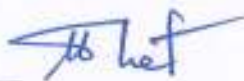
	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)			764.289.966.590	544.081.657.726
Phân bổ cho:				
Cổ đông phổ thông của Công ty	61		695.020.247.248	512.806.303.331
Cổ đông không kiểm soát	62		69.269.719.342	31.275.354.395
Lãi trên cổ phiếu			Điều chỉnh lại	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	2.858	2.065

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu



Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vũ Anh Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	896.472.801.794	651.811.909.223
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	364.222.728.433	279.792.813.355
Các khoản dự phòng	03	37.163.423.796	9.681.387.550
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục cố gốc ngoại tệ	04	6.083.202.886	1.137.063.333
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(385.940.659.421)	(55.386.679.228)
Chi phí lãi vay	06	315.449.056.943	242.367.390.588
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.233.450.554.431	1.129.403.884.821
Biến động các khoản phải thu	09	(28.296.022.714)	(1.450.565.866.192)
Biến động hàng tồn kho	10	(172.787.706.909)	707.980.466.046
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(407.840.147.940)	583.846.492.231
Biến động chi phí trả trước	12	(67.693.052.675)	(1.614.229.561)
		556.833.624.193	969.050.747.345
Tiền lãi vay đã trả	14	(306.385.526.351)	(245.293.521.634)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(136.603.949.376)	(64.182.629.362)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.603.380.522)	(26.954.197.116)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	93.240.767.944	632.620.399.233
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(3.991.157.635.137)	(932.673.645.400)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	3.323.825.909	2.560.492.763
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23	(293.247.266.517)	(119.517.828.822)
Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24	211.846.680.542	238.626.756.051
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(925.126.863.980)	(461.568.151.925)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	375.104.955.112
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	44.927.852.386	41.096.395.643
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.949.433.406.797)	(856.371.026.578)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	422.296.570.000	437.081.060.000
Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát	32	(488.000.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33	15.587.203.590.097	4.925.061.932.116
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.303.208.194.278)	(4.214.088.545.612)
Tiền trả cổ tức	36	(23.706.105.067)	(15.052.826.432)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.682.097.860.752	1.133.001.620.072
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	825.905.221.899	909.250.992.727
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.475.766.385.890	567.652.456.496
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.693.849.085)	(1.137.063.333)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	2.291.977.758.704	1.475.766.385.890

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu



Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vũ Anh Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I) (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 22 ngày 2 tháng 3 năm 2022.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 24 công ty con cấp 1 và 2 công ty con cấp 2 (1/1/2021: 21 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2) như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ % quyền biểu quyết và tỷ lệ % sở hữu	
				31/12/2021	1/1/2021
Công ty con cấp 1					
1	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Đại Mỗ	Xây lắp điện	Hà Nội	100%	100%
2	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Nam	Xây lắp điện	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Bắc	Xây lắp điện	Hà Nội	100%	100%
4	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Mỹ Đình	Xây lắp điện	Hà Nội	100%	100%
5	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Từ Liêm	Xây lắp điện	Hà Nội	100%	100%
6	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hà Đông	Xây lắp điện	Hà Nội	100%	100%
7	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Nàng Hương	Cung cấp dịch vụ	Hà Nội	100%	100%
8	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hoàng Mai	Xây lắp điện	Hà Nội	100%	100%
9	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Ninh Bình	Xây lắp điện	Ninh Bình	100%	100%
10	Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đồng Anh	Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan, dịch vụ vẽ mạ; mua bán thép, kẽm, vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép; mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện	Hà Nội	90,00%	90,00%
11	Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Sản xuất và kinh doanh điện năng	Điện Biên	60,00%	60,00%
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	Hà Nội	99,39%	99,39%
13	Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	Hà Nội	51,00%	51,00%
14	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Đầu tư kinh doanh bất động sản	Hà Nội	99,83%	99,88%
15	Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Quản lý sau đầu tư thủy điện và điện gió	Cao Bằng	99,90%	99,90%
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Sản xuất và kinh doanh điện năng	Cao Bằng	51,00%	51,00%
17	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	Đầu tư kinh doanh bất động sản	Hà Nội	99,95%	99,95%
18	Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Sản xuất điện từ năng lượng gió	Quảng Trị	55,54%	55,54%
19	Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Sản xuất điện từ năng lượng gió	Quảng Trị	54,70%	54,70%
20	Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Sản xuất điện từ năng lượng gió	Quảng Trị	54,73%	54,73%

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ % quyền biểu quyết và tỷ lệ % sở hữu	
				31/12/2021	1/1/2021
Công ty con cấp 1					
21	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Cung cấp vật tư thiết bị và cấu hình hệ thống điện	Hà Nội	51,00%	51,00%
22	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Khai thác khoáng sản	Cao Bằng	57,27%	33,92%
23	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm (*)	Sản xuất điện	Cao Bằng	99,00%	-
24	Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại (**)	Cho thuê nhà xưởng	Hà Nội	99,75%	-
Công ty con cấp 2					
<i>Công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh</i>					
1	Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên	Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm	Thái Nguyên	90,00%	90,00%
<i>Công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Mỹ Đình</i>					
2	Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện PC1 - ETICH (***)	Kiểm định, thử nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị dụng cụ điện áp đến 110 kV	Hà Nội	51,00%	-

(*) Trong năm, Công ty góp vốn thành lập công ty này.

(**) Ngày 11 tháng 8 năm 2021, Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại trở thành công ty con của Công ty sau khi Công ty hoàn thành việc mua lại 290.323 cổ phần (tương đương 98,74% quyền sở hữu) tại công ty này. Sau đó, Công ty góp thêm 1.205.970 cổ phần theo số vốn điều lệ mới đăng ký của Công ty và nâng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty này lên 99,75%.

(***) Ngày 1 tháng 6 năm 2021, Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I – Mỹ Đình, một công ty con của Công ty, mua lại 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện PC1 - ETICH với số tiền là 2.550 triệu VND và qua đó Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện PC1 - ETICH trở thành công ty con cấp 2 của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 2 công ty liên kết (1/1/2021: 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 7(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty và các công ty con có 1.497 nhân viên (1/1/2021: 1.395 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Nếu việc kế toán ban đầu đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh chưa hoàn thành trước thời điểm cuối kỳ kế toán mà giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ được xác định tạm thời, Công ty sẽ kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh theo các giá trị tạm thời đó. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua (giai đoạn sử dụng giá trị tạm thời), Công ty sẽ điều chỉnh hồi tố các giá trị tạm thời đã ghi nhận tại ngày mua.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Công ty liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	3 – 5 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang

Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện

Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4, Trung Thu, Mông Ân. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Công ty phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng, Cục thuế Tỉnh Hà Giang và Cục thuế Tỉnh Điện Biên.

(iii) Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió

Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình điện gió được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các dự án nhà máy điện gió Liên Lập, Phong Nguyên, Phong Huy.

(iv) Quyền sử dụng khu đất 120 Định Công

Quyền sử dụng khu đất 120 Định Công gồm các chi phí mua lại quyền sử dụng khu đất 120 Định Công. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn quyền sử dụng khu đất là 50 năm.

(v) Chi phí thuê hạ tầng

Chi phí thuê hạ tầng đầu nối dự án được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 48 năm.

(vi) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và công trình xây dựng đã hoàn thành trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự trong ba năm gần nhất.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vi) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(r) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xây lắp;
- Sản xuất công nghiệp;
- Bất động sản;
- Năng lượng;
- Bán hàng; và
- Các hoạt động khác.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Công ty và các công ty con chủ yếu hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Bán hàng VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021							
Doanh thu hợp nhất của bộ phận	6.713.974.535.864	649.719.442.242	105.998.735.394	928.088.201.316	1.376.706.321.870	53.975.943.689	9.828.463.180.375
Giá vốn hàng bán bộ phận	(6.253.028.942.081)	(555.946.582.984)	(67.440.540.062)	(398.533.773.753)	(1.350.852.113.935)	(47.126.812.882)	(8.672.928.765.697)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	460.945.593.783	93.772.859.258	38.558.195.332	529.554.427.563	25.854.207.935	6.849.130.807	1.155.534.414.678
Chi phí bán hàng							(55.977.596.827)
Chi phí quản lý doanh nghiệp							(240.797.400.424)
Doanh thu hoạt động tài chính							319.482.922.820
Chi phí tài chính							(359.192.614.340)
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết							85.597.674.855
Kết quả từ hoạt động khác							(8.174.598.968)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(132.182.835.204)
Lợi nhuận thuần sau thuế							764.289.966.590

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Bán hàng VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020							
Doanh thu hợp nhất của bộ phận	3.060.741.678.342	825.757.109.539	856.093.531.787	748.112.842.891	1.121.778.208.590	66.117.210.194	6.678.600.581.343
Giá vốn hàng bán bộ phận	(2.753.270.380.528)	(742.930.173.126)	(577.424.760.957)	(296.465.086.448)	(1.096.148.207.293)	(50.707.483.055)	(5.516.946.091.407)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	307.471.297.814	82.826.936.413	278.668.770.830	451.647.756.443	25.630.001.297	15.409.727.139	1.161.654.489.936
Chi phí bán hàng							(70.552.235.921)
Chi phí quản lý doanh nghiệp							(267.722.567.030)
Doanh thu hoạt động tài chính							37.255.892.764
Chi phí tài chính							(243.840.926.915)
Phần lãi trong công ty liên kết							18.043.746.585
Kết quả từ hoạt động khác							16.973.509.804
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(107.730.251.497)
Lợi nhuận thuần sau thuế							544.081.657.726

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Bán hàng VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021							
Tài sản của bộ phận	2.360.048.868.270	684.594.105.888	467.836.869.912	10.475.574.057.746	445.059.547.639	1.511.432.400.237	15.944.545.849.692
Tài sản không phân bổ							2.742.489.567.835
Tổng tài sản							18.687.035.417.527
Nợ phải trả của bộ phận	1.788.238.949.161	582.456.354.996	62.957.951.578	7.286.214.138.065	272.085.175.511	161.811.228.106	10.153.763.797.417
Nợ phải trả không phân bổ							2.252.435.577.871
Tổng nợ phải trả							12.406.199.375.288
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021							
Chi tiêu vốn	15.279.399.616	10.250.570.188	11.363.805.796	5.434.531.262.369	-	9.785.297.222	5.481.210.335.191
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	4.657.993.397	3.903.117.443	635.178.715	279.438.298.293	-	18.412.450	288.653.000.298
Khấu hao tài sản cố định vô hình	249.331.504	243.314.830	-	-	-	24.570.162.056	25.062.808.390
Khấu hao bất động sản đầu tư	-	-	11.531.577.302	-	-	-	11.531.577.302

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Bán hàng VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021							
Tài sản của bộ phận	2.747.635.183.789	382.181.121.963	532.302.566.298	4.852.295.487.841	262.440.973.882	44.689.061.418	8.821.544.395.191
Tài sản không phân bổ							1.900.123.697.927
Tổng tài sản							10.721.668.093.118
Nợ phải trả của bộ phận	1.352.106.317.365	318.892.507.133	128.851.311.553	2.568.030.849.953	180.555.233.006	24.862.208.233	4.573.298.427.243
Nợ phải trả không phân bổ							1.378.843.663.562
Tổng nợ phải trả							5.952.142.090.805
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020							
Chi tiêu vốn	8.947.567.027	4.118.338.453	63.259.899.984	829.088.243.908	-	260.000.000	905.674.049.372
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	6.363.340.842	7.810.067.495	-	175.423.699.103	-	-	189.597.107.440
Khấu hao tài sản cố định vô hình	148.832.874	243.792.684	-	-	-	-	392.625.558
Khấu hao bất động sản đầu tư	-	-	10.054.834.827	-	-	-	10.054.834.827

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Hợp nhất kinh doanh

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, Công ty mua lại mua lại 2.912.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát (“Tấn Phát”) với số tiền là 232.960 triệu VND, theo đó tỷ lệ vốn cổ phần của Tấn Phát mà Công ty nắm giữ sau giao dịch này tăng từ 33,92% lên 57,27%. Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát có hoạt động chính là khai thác khoáng sản. Từ ngày 16 tháng 6 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoạt động kinh doanh được mua chưa đóng góp doanh thu và lợi nhuận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do công ty con này vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Công ty tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.458.106.015	-	7.458.106.015
Các khoản phải thu – ngắn hạn	59.911.052.945	-	59.911.052.945
Tài sản ngắn hạn khác	9.841.485.019	-	9.841.485.019
Tài sản cố định hữu hình	619.613.950	-	619.613.950
Tài sản cố định vô hình	-	977.536.296.866	977.536.296.866
Tài sản dở dang dài hạn	241.529.406.987	-	241.529.406.987
Chi phí trả trước dài hạn	-	353.720.477	353.720.477
Nợ phải trả ngắn hạn	(203.145.664.916)	-	(203.145.664.916)
Nợ phải trả dài hạn	-	(195.578.003.373)	(195.578.003.373)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	116.214.000.000	782.312.013.970	898.526.013.970
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			17.858.669.371
Khoản thanh toán cho việc mua lại			232.960.000.000
Khoản tiền thu được			7.458.106.015
Khoản tiền thanh toán thuần			225.501.893.985

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, Công ty mua lại 98,74% cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại với số tiền là 191.059 triệu VND. Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại có hoạt động chính là cho thuê nhà xưởng. Từ ngày 11 tháng 8 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoạt động kinh doanh được mua đóng góp 3.726 triệu VND doanh thu và tạo ra 331 triệu VND lợi nhuận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Công ty tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.261.637	-	5.261.637
Các khoản phải thu – ngắn hạn	25.062.895.433	-	25.062.895.433
Hàng tồn kho	263.824.048	-	263.824.048
Tài sản ngắn hạn khác	226.571.557	-	226.571.557
Tài sản cố định hữu hình	5.946.109.505	-	5.946.109.505
Chi phí trả trước dài hạn	-	202.549.187.157	202.549.187.157
Tài sản dài hạn khác	53.359.089	-	53.359.089
Nợ phải trả ngắn hạn	(2.538.690.035)	-	(2.538.690.035)
Nợ phải trả dài hạn	-	(40.509.837.400)	(40.509.837.400)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	29.019.331.234	162.039.349.757	191.058.680.991
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			2.405.571.778
Khoản thanh toán cho việc mua lại			191.055.469.517
Khoản tiền thu được			5.261.637
Khoản tiền thanh toán thuần			191.050.207.880

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 1 tháng 6 năm 2021, Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Mỹ Đình, một công ty con của Công ty, mua lại 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện PC1 - ETICH với số tiền là 2.550 triệu VND. Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện PC1 - ETICH có hoạt động chính là kiểm định, thử nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị dụng cụ điện áp đến 110 kV. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoạt động kinh doanh được mua đóng góp 6.143 triệu VND doanh thu và tạo ra 953 triệu VND lỗ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Công ty tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.975.237.885	-	3.975.237.885
Các khoản phải thu – ngắn hạn	2.371.821.735	-	2.371.821.735
Hàng tồn kho	811.432.643	-	811.432.643
Tài sản ngắn hạn khác	284.316.962	-	284.316.962
Tài sản cố định hữu hình	457.494.442	-	457.494.442
Nợ phải trả ngắn hạn	(1.391.115.456)	-	(1.391.115.456)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	6.509.188.211	-	6.509.188.211
Lợi thế thương mại âm phát sinh từ việc mua lại			769.685.988
Khoản thanh toán cho việc mua lại			2.550.000.000
Khoản tiền thu được			3.975.237.885
Khoản tiền thanh toán thuần			(1.425.237.885)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	17.354.365.086	25.602.129.841
Tiền gửi ngân hàng	777.623.393.618	237.164.256.049
Các khoản tương đương tiền	1.497.000.000.000	1.213.000.000.000
	2.291.977.758.704	1.475.766.385.890

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	144.291.658.746	144.291.658.746	62.891.072.771	62.891.072.771

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2021			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	25,09%	25,09%	126.443.764.437	(**)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	49,00%	49,00%	300.000.000.000	(**)
			<u>426.443.764.437</u>	
	1/1/2021			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	25,09%	25,09%	40.846.089.583	(**)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát (*)	33,92%	33,92%	37.329.604.878	(**)
			<u>78.175.694.461</u>	

(*) Ngày 16 tháng 6 năm 2021, Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát trở thành công ty con của Công ty sau khi Công ty hoàn thành việc mua lại 2.912.000 cổ phần và nâng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại công ty này từ 33,92% lên 57,27%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	31/12/2021		Giá trị hợp lý VND
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	46.431	0,00115%	0,00115%	821.770.000	-	1.722.590.100
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	400.000	10,00%	10,00%	4.000.000.000	(2.598.384.961)	(**)
Công ty Cổ phần Western Pacific	7.000.000	7,00%	7,00%	210.000.000.000	-	(**)
				<u>214.821.770.000</u>	<u>(2.598.384.961)</u>	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	1/1/2021		Giá trị hợp lý VND
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	46.431	0,00136%	0,00136%	821.770.000	-	2.224.044.900
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	400.000	10,00%	10,00%	4.000.000.000	(1.652.891.065)	(**)
				<u>4.821.770.000</u>	<u>(1.652.891.065)</u>	

(**) Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	238.160.507.412	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	223.104.376.619	-
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung	203.741.139.244	78.536.533.528
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	132.568.743.164	106.856.248.004
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	74.005.473.583	107.857.590.257
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	71.446.815.248	134.982.321.012
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch	29.070.558.738	101.453.631.016
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMEC	-	108.132.656.568
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.316.798.669.185	997.165.049.953
	2.288.896.283.193	1.634.984.030.338

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	95.988.840.482	82.998.837.129
Công ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam	69.918.260.478	139.640.072.625
Vestas Asia Pacific A/S	-	442.064.452.457
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hoàng Ngọc Phát	-	64.500.490.714
Các khoản trả trước cho người bán khác	197.079.850.031	453.139.762.647
	362.986.950.991	1.182.343.615.572

10. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự án Trang trại Điện gió Trà Vinh - Công ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam	15.502.374.676	35.158.965.918
Dự án Nhà máy Điện gió Ia Pết - Đak Đoa 1, Nhà máy Điện gió Ia Pết - Đak Đoa 2 - Công ty Cổ phần Phong điện IA Pết Đak Đoa số một và Công ty Cổ phần Phong điện IA Pết Đak Đoa số hai	-	20.190.034.962
	15.502.374.676	55.349.000.880

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	1.929.801.481	582.739.726
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (*)	258.000.222.223	201.290.874.356
Tạm ứng	74.429.859.924	128.449.505.051
Phải thu tạm ứng các đội, ban chỉ huy công trình	46.862.250.044	100.152.235.991
Phải thu Công ty Cổ phần Điện gió Phong Liễn (**)	16.043.406.311	-
Ký cược, ký quỹ	430.957.368	37.638.311.759
Phải thu về cho vay ngắn hạn (***)	57.631.000.000	-
Phải thu khác	6.119.174.098	57.546.993.010
	461.446.671.449	525.660.659.893

(*) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù tại các công trình xây lắp sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại và tạm ứng để chi trả tiền đền bù dự án bất động sản, dự án năng lượng.

(**) Đây là khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa hai công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên với Công ty Cổ phần Điện gió Phong Liễn, trong đó Công ty Cổ phần Điện gió Phong Liễn là đầu mối thực hiện dự án đầu tư xây dựng và vận hành hạ tầng đầu nối cụm dự án điện gió Phong Huy, Phong Nguyên, Phong Liễn vào hệ thống điện quốc gia. Các bên sẽ thực hiện việc góp vốn dựa theo tỷ lệ cam kết góp, tỷ lệ này tỷ lệ thuận với công suất của mỗi nhà máy điện gió. Mọi quyền lợi của các bên đối với hoa lợi, lợi tức và giá trị tài sản chung được phân chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế. Việc góp vốn được chia làm 4 đợt, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh tổng số vốn đã góp đủ 4 đợt của Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy và Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên, trừ đi tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh đã được bàn giao giữa các bên tại Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy và Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên.

(***) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản phải thu một cá nhân, hưởng lãi suất 3,5%/năm, không có tài sản bảo đảm và có thời hạn thu hồi vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ký cược, ký quỹ	8.295.573.500	8.295.573.500
Phải thu Công ty Cổ phần Điện gió Phong Liễn	-	79.150.160.000
	8.295.573.500	87.445.733.500

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2021			Thời gian quá hạn	1/1/2021		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Phải thu Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-
Phải thu Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-
Phải thu Công ty Cổ phần Quốc tế Nachi	Từ 1 đến 2 năm	101.292.413	(50.646.207)	50.646.206	Dưới 1 năm	101.292.413	-	101.292.413
Phải thu Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	Dưới 1 năm	614.880.000	(430.416.000)	184.464.000	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Từ 2 đến trên 3 năm	8.365.642.492	(4.870.703.283)	3.494.939.209	Từ 2 đến trên 3 năm	6.026.750.539	(5.978.533.344)	48.217.195
		<u>11.652.002.795</u>	<u>(7.921.953.380)</u>	<u>3.730.049.415</u>		<u>8.698.230.842</u>	<u>(8.548.721.234)</u>	<u>149.509.608</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(7.921.953.380)

(8.548.721.234)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	23.992.304.622	-	9.744.223.016	-
Nguyên vật liệu	347.131.204.835	(1.328.910.150)	171.432.370.331	(1.485.873.407)
Công cụ, dụng cụ	1.608.619.714	-	1.942.980.053	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	495.633.807.594	-	468.867.078.164	-
Thành phẩm	-	-	2.560.576.471	-
Hàng hoá	18.224.310.299	-	3.053.270.713	-
Hàng hóa bất động sản (**)	18.312.781.405	-	73.439.566.121	-
	904.903.028.469	(1.328.910.150)	731.040.064.869	(1.485.873.407)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 60.288 triệu VND (1/1/2021: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 26(a)).

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự án kinh doanh bất động sản:		
Khu hỗn hợp văn phòng, thương mại và căn hộ PCC1 Vĩnh Hưng	13.296.604.679	11.418.803.712
Dự án Khu nhà ở để bán G5-CT2 và G8-CT3 (trước đây là Dự án Khu nhà ở Bắc Cổ Nhuế - Chèm)	7.656.880.962	7.193.310.713
Dự án PCC1 Thanh Xuân	-	8.598.455.090
Hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện:		
Cung cấp kháng điện 110kV-40MVar Dự án: TBA 220kV Tương Dương và đầu nối	46.185.724.831	-
Gói 4 - Xây lắp đường dây từ điểm đầu đến G7 - Dự án ĐZ 500 kV Sông Hậu - Đức Hòa	20.132.443.575	20.852.581.298
Gói thầu số 03: Xây lắp ĐZ 110kv- Dự án: Nâng cao khả năng truyền tải ĐZ 110kv Ba Chè - Núi Một	15.806.384.441	924.607.063
Gói thầu: Thiết kế, mua sắm, thi công TBA và ĐZ 220kV - Nhà máy Điện gió Hưng Hải Gia Lai	13.769.238.589	-
Xây lắp ĐZ và TBA 110kV Nam Trà My	11.413.756.524	23.213.803.558
Gói thầu CPC-CTS-PC01: Cung cấp vật tư thiết bị, thi công xây dựng và thí nghiệm hiệu chỉnh công trình ĐZ cấp ngầm 110kV dự án TBA 110kV Cảng Tiên Sa và Đầu Núi	-	39.181.270.500

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Gói DEP - HNPC-PX-W01 xây lắp công trình thuộc tiêu dự án xây dựng mới TBA 110kV Phú Xuyên, ĐZ 110kV cấp điện cho TBA	-	17.348.739.676
Xây lắp ĐZ 110kV Quốc Vinh - Sóc Trăng	-	14.863.737.338
EPC Hệ thống điện dự án điện gió BIM	-	11.188.414.493
Trạm biến áp 220kV Mường La	-	8.494.160.256
Các công trình khác	247.847.728.248	259.250.306.427
<i>Hoạt động sản xuất công nghiệp:</i>		
Dự án Vân Phong - Vĩnh Tân	68.220.473.791	-
Dự án Vân Phong đầu nối	29.688.621.885	-
110kV Đa Nhi - Hạ Sông Pha - Ninh Sơn - Tháp Chàm	-	11.786.282.511
Các công trình, dự án khác	13.090.095.290	27.236.290.660
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác</i>	8.525.854.779	7.316.314.869
	495.633.807.594	468.867.078.164

(**) Hàng hóa bất động sản bao gồm:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trung tâm Thương mại và Nhà ở Mỹ Đình Plaza 2	15.303.502.311	18.907.137.529
Dự án PCC1 Thanh Xuân	-	45.049.157.190
Hàng hóa bất động sản khác	3.009.279.094	9.483.271.402
	18.312.781.405	73.439.566.121

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.210.049.813.606	2.105.034.406.816	210.450.217.343	11.165.327.522	1.653.525.142	4.538.353.290.429
Tăng trong năm	85.000.000	20.006.497.590	12.451.026.504	1.862.642.932	151.600.000	34.556.767.026
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.051.737.901.312	4.590.998.122.129	9.138.438.091	154.930.213	-	5.652.029.391.745
Tăng do mua công ty con	14.784.636.855	1.526.026.880	-	-	-	16.310.663.735
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	-	1.137.504.195	674.090.909	76.800.000	-	1.888.395.104
Thanh lý	(5.754.800.644)	(5.705.914.976)	(4.506.535.208)	(106.150.000)	(57.566.398)	(16.130.967.226)
Xóa sổ	(943.094.045)	(1.071.592.296)	-	-	-	(2.014.686.341)
Phân loại lại	(3.199.898.892)	14.949.317.295	(11.639.369.379)	(167.615.422)	57.566.398	-
Số dư cuối năm	3.266.759.558.192	6.726.874.367.633	216.567.868.260	12.985.935.245	1.805.125.142	10.224.992.854.472
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	254.394.798.010	383.062.783.522	89.369.673.577	8.743.857.385	983.641.680	736.554.754.174
Khấu hao trong năm	88.062.875.386	178.863.567.674	20.523.335.793	951.337.648	251.883.797	288.653.000.298
Tăng do mua công ty con	8.887.734.368	1.019.325.420	-	-	-	9.907.059.788
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	-	690.392.003	501.589.151	76.800.000	-	1.268.781.154
Thanh lý	(5.754.800.644)	(4.978.211.881)	(4.506.535.208)	(90.466.049)	(54.742.242)	(15.384.756.024)
Xóa sổ	(646.992.630)	(664.500.639)	-	-	-	(1.311.493.269)
Phân loại lại	(3.201.918.534)	11.266.745.786	(8.088.853.719)	(13.267.894)	37.294.361	-
Khác	-	-	-	-	(2.406.249)	(2.406.249)
Số dư cuối năm	341.741.695.956	569.260.101.885	97.799.209.594	9.668.261.090	1.215.671.347	1.019.684.939.872
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.955.655.015.596	1.721.971.623.294	121.080.543.766	2.421.470.137	669.883.462	3.801.798.536.255
Số dư cuối năm	2.925.017.862.236	6.157.614.265.748	118.768.658.666	3.317.674.155	589.453.795	9.205.307.914.600

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có tài sản có nguyên giá 161.955 triệu VND (1/1/2021: 175.387 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 8.940.852 triệu VND (1/1/2021: 3.670.163 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 26(b)).

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác khoáng sản VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	1.108.070.000	1.773.806.000	105.331.819	2.987.207.819
Tăng trong năm	-	-	758.500.000	-	758.500.000
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	977.536.296.866	-	-	-	977.536.296.866
Tăng do mua công ty con	-	-	-	41.894.545	41.894.545
Xóa sổ	-	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Số dư cuối năm	977.536.296.866	1.108.070.000	2.482.306.000	147.226.364	981.273.899.230
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	1.032.667.983	62.140.966	1.094.808.949
Khấu hao trong năm	24.627.852.440	-	409.272.303	25.683.647	25.062.808.390
Tăng do mua công ty con	-	-	-	41.894.545	41.894.545
Xóa sổ	-	-	(16.666.660)	-	(16.666.660)
Số dư cuối năm	24.627.852.440	-	1.425.273.626	129.719.158	26.182.845.224
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	1.108.070.000	741.138.017	43.190.853	1.892.398.870
Số dư cuối năm	952.908.444.426	1.108.070.000	1.057.032.374	17.507.206	955.091.054.006



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.041 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 279 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Khu văn phòng tại Chung cư Nàng Hương VND	Khu văn phòng tại Chung cư Mỹ Đình Plaza VND	Khu văn phòng tại Chung cư PCC1 Hà Đông Complex VND	Khu văn phòng tại Chung cư Mỹ Đình Plaza 2 VND	Khu văn phòng tại Chung cư PCC1 Thanh Xuân VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	11.076.525.175	90.477.826.874	24.269.520.970	75.796.415.530	63.259.899.984	264.880.188.533
Tăng trong năm	-	-	-	-	11.363.805.796	11.363.805.796
Số dư cuối năm	11.076.525.175	90.477.826.874	24.269.520.970	75.796.415.530	74.623.705.780	276.243.994.329
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.101.713.372	26.319.172.775	4.375.162.943	7.563.878.679	1.265.198.000	43.625.125.769
Khấu hao trong năm	398.779.182	4.372.488.545	970.780.835	3.031.856.624	2.757.672.116	11.531.577.302
Số dư cuối năm	4.500.492.554	30.691.661.320	5.345.943.778	10.595.735.303	4.022.870.116	55.156.703.071
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	6.974.811.803	64.158.654.099	19.894.358.027	68.232.536.851	61.994.701.984	221.255.062.764
Số dư cuối năm	6.576.032.621	59.786.165.554	18.923.577.192	65.200.680.227	70.600.835.664	221.087.291.258

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	378.813.660.882	1.178.758.313.911
Tăng trong năm	5.434.531.262.369	842.829.059.944
Tăng do mua công ty con	241.529.406.987	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.652.029.391.745)	(1.627.641.032.830)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(12.777.371.500)	(14.318.294.366)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(408.056.128)	-
Phân loại sang hàng tồn kho	-	(1.375.760.643)
Biến động khác	(9.783.017.870)	561.374.866
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	379.876.492.995	378.813.660.882

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<i>Xây dựng cơ bản</i>		
Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản Niken - Đồng	316.686.044.938	-
Dự án Thủy điện Bảo Lạc A	12.705.738.317	-
Dự án Nhà máy Điện gió Liên Lập	-	153.254.278.611
Dự án Nhà máy Điện gió Phong Huy	-	84.869.299.901
Dự án Nhà máy Điện gió Phong Nguyễn	-	126.941.143.043
Dự án khác	43.296.484.554	12.001.607.457
<i>Mua sắm máy móc</i>		
Mua sắm tài sản cố định, dụng cụ thi công	1.200.000.000	-
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>		
Công trình khác	5.988.225.186	1.747.331.870
	<hr/>	<hr/>
	379.876.492.995	378.813.660.882

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 316.686 triệu VND (1/1/2021: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 26(b)).

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 27.760 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.114.714.239	878.583.701
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.918.211.845	2.002.545.590
	<hr/>	<hr/>
	9.032.926.084	2.881.129.291
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Tiền thuê đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện (*) VND	Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió VND	Quyền sử dụng khu đất 120 Định Công VND	Chi phí thuê hạ tầng VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	4.382.167.502	4.252.155.940	2.806.530.165	124.044.228.976	-	-	-	921.863.903	136.406.946.486
Tăng trong năm	5.975.428.287	8.215.417.396	-	-	-	-	37.493.636.364	9.802.674.819	61.487.156.866
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	-	-	353.720.477	-	-	-	-	-	353.720.477
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	-	202.549.187.157	-	-	202.549.187.157
Chuyển sang từ xây dựng cơ bản dở dang	22.834.500	-	241.969.000	-	12.512.568.000	-	-	-	12.777.371.500
Thanh lý, xóa sổ	(29.187.097)	-	-	-	-	-	-	(1.677.493.379)	(1.706.680.476)
Phân bổ trong năm	(4.204.380.795)	(2.446.719.154)	(62.898.018)	(1.724.777.355)	-	(1.519.118.905)	(261.085.824)	(1.309.090.064)	(11.528.070.115)
Khác	491.207.738	(42.627.649)	-	-	-	-	-	-	448.580.089
Số dư cuối năm	6.638.070.135	9.978.226.533	3.339.321.624	122.319.451.621	12.512.568.000	201.030.068.252	37.232.550.540	7.737.955.279	400.788.211.984

(*) Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4, Trung Thu, Mông Ân được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng, Cục thuế Tỉnh Hà Giang và Cục thuế Tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công trình	Thông báo	Số tiền được trừ (VND)
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1	Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016	11.413.476.782
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3	Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017	10.061.418.000
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A	Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017	668.410.942
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019	7.806.445.192
	Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019	787.719.391
Công trình Thủy điện Sông Nhiệm 4	Quyết định số 373/QĐ-CT ngày 3/6/2020	549.384.183
	Quyết định số 569/QĐ-CT ngày 3/8/2020	5.174.745.600
Công trình Thủy điện Trung Thu	Thông báo số 1091/TB-STC ngày 30/6/2016	70.790.693.435
Công trình thủy điện Mông Ân	Thông báo số 1217/TB-CT ngày 10/12/2019	21.334.749.436

Tiền thuê đất đã được bù trừ trong các năm trước là 4.542.813.985 VND.

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản cố định	23.120.788.729	-
Lợi nhuận chưa thực hiện trong giá trị xây dựng cơ bản dở dang	126.958.291	13.597.369.411
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.247.747.020	13.597.369.411
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định	(233.211.768.496)	2.053.016.766
Lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý khi tăng vốn từ công ty liên kết thành công ty con	(52.402.000.000)	-
Chi phí trả trước dài hạn	(40.206.013.619)	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại công ty liên kết	-	(16.639.764.340)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(325.819.782.115)	(14.586.747.574)
	(302.572.035.095)	(989.378.163)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm	400.217.808.018
Tăng trong năm	20.264.241.149
	<hr/>
Số dư cuối năm	420.482.049.167
	<hr/>
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	116.335.568.317
Phân bổ trong năm	38.912.444.425
	<hr/>
Số dư cuối năm	155.248.012.742
	<hr/>
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	283.882.239.701
Số dư cuối năm	265.234.036.425
	<hr/>

21. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vestas Asia Pacific A/S	239.713.062.923	-
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	125.192.185.800	57.259.004.836
Công ty TNHH Thương mại Đức Giang	112.758.129.401	42.766.126.563
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	71.878.835.080	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại		
Xuất nhập khẩu Việt Phát	66.264.776.820	94.553.670.578
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Sở giao dịch (*)	49.976.168.550	-
Công ty Cổ phần Cấp điện và Hệ thống LS - Vina	-	52.238.601.517
Dongfang Electric International Corporation	-	43.383.114.988
Khác	1.090.572.693.476	809.860.986.173
	<hr/>	<hr/>
	1.756.355.852.050	1.100.061.504.655
	<hr/>	<hr/>

(*) Đây là khoản tiền ngân hàng thanh toán tiền mua hàng hóa qua hình thức mở LC UPAS.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin (AIT)	28.171.359.760	-
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực	7.109.775.474	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Quận Nam Từ Liêm	7.048.288.000	-
Công ty Cổ phần Phong điện IA Pét Đak Đoa số một	-	111.491.097.663
Công ty Cổ phần Phong điện IA Pét Đak Đoa số hai	-	111.491.097.663
Công ty Cổ phần Điện gió IA Bang	-	108.446.126.693
Các khách hàng khác	19.235.870.204	154.516.614.210
	<hr/>	
	61.565.293.438	485.944.936.229
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2021		Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	Tăng phải thu do mua công ty con VND	31/12/2021	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND				Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	-	48.999.915.393	407.309.538.023	(427.320.143.875)	(200.531.098)	92.100.000	28.880.878.443
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	761.924.668	(2.114.924.668)	-	1.353.000.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	122.678.842	91.633.391.147	66.688.019.076	(136.603.949.376)	(1.732.906)	1.043.518.596	22.636.567.695
Thuế thu nhập cá nhân	-	573.696.965	12.542.372.909	(12.489.390.975)	-	104.432.520	731.111.419
Thuế tài nguyên	-	1.660.464.742	47.787.196.393	(47.334.738.920)	-	-	2.112.922.215
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	299.103.572	-	5.541.467.988	(6.068.398.128)	-	826.033.712	-
Các loại thuế khác	183.695	34.469.305	6.045.304.750	(5.943.555.465)	-	-	136.034.895
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	3.464.343.418	18.862.908.747	(18.949.302.519)	-	-	3.377.949.646
	421.966.109	146.366.280.970	565.538.732.554	(656.824.403.926)	(202.264.004)	3.419.084.828	57.875.464.313

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm trình bày thể hiện tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ hàng tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	25.548.614.330	16.009.300.312
Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp và sản xuất công nghiệp	19.142.083.155	17.908.952.119
Chi phí trích trước cho các công trình thủy điện và phong điện hoàn thành	747.327.902.136	87.848.116.426
Chi phí trích trước cho các công trình kinh doanh bất động sản	3.521.399.981	42.549.395.799
Chi phí phải trả khác	8.007.488.298	1.218.462.877
	803.547.487.900	165.534.227.533

25. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	-	475.783.426
Kinh phí công đoàn	2.679.707.879	2.237.423.806
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	3.034.396.658	1.557.745.155
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.920.970.426	1.903.907.427
Phải trả các đội xây lắp, ban chỉ huy công trình	9.772.179.862	6.248.761.839
Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản	29.075.522.927	27.459.574.184
Phải trả tiền giải phóng mặt bằng nhận từ chủ đầu tư chưa quyết toán	57.672.950	10.757.338.000
Vay ngắn hạn từ các cá nhân (*)	22.850.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.706.229.165	7.857.959.816
	94.096.679.867	58.498.493.653

(*) Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân không chịu lãi, không có tài sản bảo đảm, có thời hạn vay 9 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) **Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.272.392.275	4.638.703.453

26. Vay

(a) **Vay ngắn hạn**

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.436.680.058.089	11.018.930.420.762	(9.996.734.342.231)	2.458.876.136.620
Vay dài hạn đến hạn trả	149.768.000.000	340.677.486.963	(149.768.000.000)	340.677.486.963
	1.586.448.058.089	11.359.607.907.725	(10.146.502.342.231)	2.799.553.623.583

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	722.015.730.585	537.601.979.089
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	VND	10.891.350.830	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	659.516.860.825	369.040.452.802
Ngân hàng BNP Paribas	VND	497.843.841.474	257.303.208.754
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	308.994.286.515	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	81.499.557.236	162.006.531.008
Renova Renewables Vietnam 1 Pte. Ltd.	VND	77.346.563.931	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	39.351.492.520	4.985.127.589
Ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam	VND	38.832.286.311	63.726.327.474
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	-	282.757.373
Các cá nhân	VND	22.584.166.393	41.733.674.000
		2.458.876.136.620	1.436.680.058.089

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ 6 tháng đến dưới 12 tháng và không có tài sản bảo đảm.

(*) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được bảo đảm bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 60.288 triệu VND (1/1/2021: Không) (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất Năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	394.709.898.607	442.709.898.607
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ Chương trình Phát triển Năng lượng Tái tạo (REDP) của Ngân hàng Thế giới cộng biên độ	2029	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Trung Thu	359.104.000.000	403.992.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2033	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4	158.384.664.979	158.384.664.979
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	8,8% điều chỉnh 6 tháng 1 lần	2028	Cầu 800 tấn ZCC9800W	70.412.926.452	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ Chương trình Phát triển Năng lượng Tái tạo (REDP) của Ngân hàng Thế giới	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1	451.968.395.700	463.568.395.700
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Mông Ân	489.060.000.000	540.540.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A	159.212.523.972	55.339.170.283
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B	335.145.172.810	256.562.169.299
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy Tuyển quặng Niken-Đồng	132.911.049.670	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2028	Tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy Mạ kẽm Thái Nguyên	43.582.519.431	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2026	Xe ô tô Ford Everest	809.836.070	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Lãi suất Năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Asian Development Bank- A Loan	USD	Lãi suất thả nổi: Libor kỳ hạn 3 tháng cộng biên độ	2036	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên	805.824.828.525	-
Asian Development Bank- B Loan	USD	Lãi suất thả nổi: Libor kỳ hạn 3 tháng cộng biên độ	2036	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên	2.114.733.634.725	-
Export Finance Australia	USD	Lãi suất cố định: Libor kỳ hạn 3 tháng cộng biên độ	2036	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên	486.929.292.300	-
Japan International Cooperation Agency	USD	Lãi suất thả nổi: Libor kỳ hạn 3 tháng cộng biên độ	2036	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên	575.589.127.050	-
					6.578.377.870.291	2.321.096.298.868
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(340.677.486.963)	(149.768.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					6.237.700.383.328	2.171.328.298.868

Các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố hữu hình có giá trị còn lại là 8.940.852 triệu VND (1/1/2021: 3.670.163 triệu VND) (Thuyết minh 14), xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 316.686 triệu VND (1/1/2021: Không) (Thuyết minh 17).



Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa VND	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	11.377.620.968	7.261.678.713	18.639.299.681
Dự phòng lập trong năm	39.614.026.800	5.686.782.000	45.300.808.800
Dự phòng sử dụng trong năm	(5.352.172.939)	-	(5.352.172.939)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(55.448.200)	(2.891.526.650)	(2.946.974.850)
Số dư cuối năm	45.584.026.629	10.056.934.063	55.640.960.692
<i>Trong đó:</i>			
Dự phòng phải trả ngắn hạn	16.403.173.920	-	16.403.173.920
Dự phòng phải trả dài hạn	29.180.852.709	10.056.934.063	39.237.786.772
Số dư cuối năm	45.584.026.629	10.056.934.063	55.640.960.692

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	115.961.617.076	100.571.406.917
Trích lập trong năm	39.471.021.845	36.047.429.204
Sử dụng trong năm	(20.603.380.522)	(20.657.219.045)
Số dư cuối năm	134.829.258.399	115.961.617.076

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	1.593.242.660.000	711.136.556.786	22.906.800.000	(4.320.000)	708.285.511	129.678.219.448	47.203.224.342	933.063.484.397	256.845.751.933	3.694.780.662.417
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	503.696.060.000	503.696.060.000
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(296.000.000)	(296.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	512.806.303.331	31.275.354.395	544.081.657.726
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	318.638.930.000	-	-	-	-	-	-	(318.638.930.000)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	35.779.161.016	-	(35.779.161.016)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(36.047.429.204)	-	(36.047.429.204)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	17.889.580.508	(17.889.580.508)	-	-
Lãi thoái một phần vốn đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	79.485.775.868	-	79.485.775.868
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	-	-	-	1.468.273.789	173.247.510	(7.167.231.822)	(15.905.585.319)	(21.431.295.842)
Hợp nhất công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	6.184.383.607	6.184.383.607
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(52.672.358)	52.672.358	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.520.000)	-	(1.163.904.418)	238.612.159	(927.812.259)
Số dư tại ngày 1/1/2021 (mang sang trang sau)	1.911.881.590.000	711.136.556.786	22.906.800.000	(4.320.000)	708.285.511	166.923.134.253	65.266.052.360	1.108.616.654.270	782.091.249.133	4.769.526.002.313

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2021 (mang sang từ trang trước)	1.911.881.590.000	711.136.556.786	22.906.800.000	(4.320.000)	708.285.511	166.923.134.253	65.266.052.360	1.108.616.654.270	782.091.249.133	4.769.526.002.313
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	382.369.490.000	-	-	-	-	-	-	(382.369.490.000)	-	-
Tăng vốn góp tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	364.946.840.000	364.946.840.000
Tăng vốn góp theo chương trình ESOP (ii)	57.345.410.000	-	-	4.320.000	-	-	-	-	-	57.349.730.000
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(488.000.000)	(488.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	695.020.247.248	69.269.719.342	764.289.966.590
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(38.932.069.415)	(538.952.430)	(39.471.021.845)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	77.380.070.787	-	(77.380.070.787)	-	-
Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	47.707.066	(47.707.066)	-	-
Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(25.022.805.067)	(25.022.805.067)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	387.174.185.564	387.174.185.564
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	2.408.783.220	2.408.783.220
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	-	(13.900.000)	-	372.471.651	(236.210.187)	122.361.464
Số dư tại ngày 31/12/2021	2.351.596.490.000	711.136.556.786	22.906.800.000	-	708.285.511	244.289.305.040	65.313.759.426	1.305.280.035.901	1.579.604.809.575	6.280.836.042.239

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông đã quyết định phân phối cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ bằng 20% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc quyền sở hữu của Cổ đông của Công ty trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tương đương 382.369.490.000 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu mới cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho Người lao động tương ứng 3% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Chi tiết như sau:

- Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 57.349.730.000 VND
- Phát hành mới: 57.345.410.000 VND
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ: 4.320.000 VND
- Giá chào bán: 10.000 VND/cổ phiếu
- Đối tượng chào bán: theo quy định tại Quy chế ESOP do Hội đồng Quản trị Công ty ban hành
- Tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng: theo quy định tại Quy chế ESOP do Hội đồng Quản trị Công ty ban hành
- Hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu chào bán cho cán bộ, công nhân viên theo chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 2 năm kể từ ngày hoàn tất giao dịch bán cổ phiếu quỹ/ngày hoàn thành đợt phát hành mới (từ 13 tháng 11 năm 2021 đến 12 tháng 11 năm 2023)
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt bán cổ phiếu quỹ và phát hành cổ phiếu mới theo chương trình ESOP: bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

30. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	235.159.649	2.351.596.490.000	191.188.159	1.911.881.590.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	235.159.649	2.351.596.490.000	191.188.159	1.911.881.590.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	(432)	(4.320.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	235.159.649	2.351.596.490.000	191.187.727	1.911.877.270.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	7.185.997.859	6.845.006.975
Trong vòng hai đến năm năm	22.449.293.436	23.542.757.900
Sau năm năm	36.780.381.984	22.563.956.484
	66.415.673.279	52.951.721.359

(b) Ngoại tệ

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	16.646.907	375.334.407.252	3.458.232	79.602.891.081

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển DHT Việt Nam	Không có khả năng thu hồi	2021	1.396.500.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Phú Giang	Không có khả năng thu hồi	2021	216.700.000	-
Công ty AG Ajikawa Corporation	Không có khả năng thu hồi	2006	12.373.726.137	12.373.726.137
Các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi	2007	1.285.920.000	1.285.920.000
			15.272.846.137	13.659.646.137

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện	6.713.974.535.864	3.060.741.678.342
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	649.719.442.242	825.757.109.539
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	27.392.240.837	21.647.943.808
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	78.606.494.557	834.445.587.979
Doanh thu bán điện	928.088.201.316	748.112.842.891
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	1.376.706.321.870	1.121.778.208.590
Doanh thu khác	53.975.943.689	66.117.210.194
	9.828.463.180.375	6.678.600.581.343

33. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện	6.253.028.942.081	2.753.270.380.528
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	556.103.546.241	742.930.173.126
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	14.370.665.863	8.644.604.521
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	53.069.874.199	568.780.156.436
Giá vốn bán điện	398.533.773.753	296.465.086.448
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	1.350.852.113.935	1.096.148.207.293
Giá vốn khác	47.126.812.882	52.607.408.399
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(156.963.257)	(1.899.925.344)
	8.672.928.765.697	5.516.946.091.407

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi do đánh giá lại khoản đầu tư khi tăng vốn từ công ty liên kết thành công ty con	262.010.000.000	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	46.237.769.341	34.595.710.712
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.972.803.896	1.789.269.593
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	77.859.201	10.350.375
Cổ tức, lợi nhuận được chia	37.144.800	-
Lãi bán hàng trả chậm chiết khấu thanh toán	-	860.562.084
Doanh thu hoạt động tài chính khác	147.345.582	-
	<hr/> 319.482.922.820	<hr/> 37.255.892.764 <hr/>

35. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	315.449.056.943	242.367.390.588
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.115.523.477	136.361.267
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.161.062.087	1.147.413.708
Dự phòng tổn thất đầu tư	945.493.896	-
Chi phí tài chính khác	5.521.477.937	189.761.352
	<hr/> 359.192.614.340	<hr/> 243.840.926.915 <hr/>

36. Chi phí bán hàng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	38.405.299	25.884.659
Chi phí nhân công	1.838.132.125	2.190.445.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.704.678.192	50.277.679.683
Chi phí khác bằng tiền	12.856.605.686	7.543.071.637
Biến động dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	5.539.775.525	10.515.153.984
	<hr/> 55.977.596.827	<hr/> 70.552.235.921 <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.237.578.934	4.404.837.578
Chi phí nhân công	130.142.331.152	126.161.951.000
Chi phí khấu hao và phân bổ	44.909.465.951	85.316.698.553
Chi phí dự phòng	804.352.473	4.716.485.549
Thuế, phí, lệ phí	2.581.526.475	3.918.402.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.968.433.439	19.780.363.856
Chi phí khác bằng tiền	32.153.712.000	23.423.827.722
	240.797.400.424	267.722.567.030

38. Thu nhập khác

	2021	2020
	VND	VND
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	7.306.178.148	20.902.711.736
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý, xóa sổ tài sản cố định	1.841.088.295	1.134.154.157
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý công cụ dụng cụ	-	1.163.663.779
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ trên hợp nhất	-	1.613.067.774
Thu nhập khác	18.894.231.271	3.516.395.544
	28.041.497.714	28.329.992.990

39. Chi phí khác

	2021	2020
	VND	VND
Phân bổ quyền khai thác khoáng sản	24.627.852.440	-
Chi phí phân bổ quyền sử dụng khu đất 120 Định Công	1.519.118.905	-
Chi phí khác	10.069.125.337	11.356.483.186
	36.216.096.682	11.356.483.186

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.980.234.041.687	1.219.256.951.526
Chi phí nhân công	491.812.062.492	346.409.592.147
Chi phí khấu hao tài sản cố định	364.222.728.433	279.792.813.355
Dự phòng	36.509.030.665	15.231.639.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.358.021.712.088	2.079.180.840.746
Chi phí khác bằng tiền	183.895.392.144	145.845.698.376
	7.414.694.967.509	4.085.717.535.683

41. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	64.058.982.457	121.451.737.943
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.629.036.619	-
	66.688.019.076	121.451.737.943
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	65.494.816.128	(13.721.486.446)
	132.182.835.204	107.730.251.497

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	896.472.801.794	651.811.909.223
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	179.294.560.359	130.362.381.845
Thu nhập không bị tính thuế	(7.428.960)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.869.427.356	350.401.850
Ảnh hưởng của thay đổi đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(11.204.661.961)	26.528.629.187
Ưu đãi thuế	(41.398.098.209)	(49.511.161.385)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.629.036.619	-
	132.182.835.204	107.730.251.497

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ngoài các ưu đãi thuế sau đây, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

- Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).
- Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).
- Đối với dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).
- Đối với dự án Thủy điện Trung Thu, Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu, một công ty con của Công ty, được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Đối với dự án Thủy điện Mông Ân, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc, một công ty con của Công ty, được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm (từ 2020 đến 2023) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2024 đến 2032).
- Đối với dự án Phong điện Liên Lập, Phong Nguyên, Phong Huy, Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy, các công ty con của Công ty được hưởng suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm (từ năm 2022 đến năm 2025) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2026 đến năm 2034).

42. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2021	2020 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	695.020.247.248	512.806.303.331
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(38.932.069.415)	(38.932.069.415)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	656.088.177.833	473.874.233.916
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	229.550.734	229.424.676
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.858	2.065

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty tạm ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng số đã trích lập của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(b) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Trong năm, Công ty và các công ty con đã phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty của năm 2020 với số tiền 38.932.069.415 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2021	2020 Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	191.188.159	159.324.266
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty đang nắm giữ	-	(432)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm trước	-	31.863.893
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay	38.236.949	38.236.949
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành thông qua chương trình ESOP trong năm nay	125.626	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	229.550.734	229.424.676

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	Theo báo cáo trước đây VND	2020 Điều chỉnh VND	Đã điều chỉnh lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.682	(617)	2.065

43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) (5 thành viên)		
Lương, thưởng và thù lao	10.296.058.612	6.404.071.436
Ban Tổng Giám đốc không là thành viên HĐQT		
Lương và thưởng	3.962.909.429	2.385.591.334
Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng (4 thành viên)		
Lương, thưởng và thù lao	2.598.811.390	2.003.492.066

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

44. Thông tin so sánh

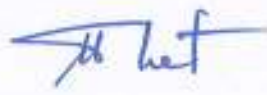
Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022.

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

